

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2019

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	3
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
4. Định hướng phát triển	6
5. Các rủi ro	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	6
2. Tổ chức và nhân sự	6
3. Tình hình tài chính	9
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	10
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	10
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	11
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	11
2. Tình hình tài chính	11
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	11
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	12
5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	12
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	12
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	13
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	13
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty	13
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	13
4. Quản trị Công ty	13
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13
1. Ý kiến kiểm toán	13
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	14

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Vận tải và Thuê tàu
- Tên tiếng Anh: Transport and Chartering Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số 74 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại: 024 38 228915
- Số fax: 024 38 228916
- Website: www.vietfracht.com.vn
- Mã cổ phiếu: VFR

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu được thành lập lần đầu vào ngày 18/02/1963 với tên gọi “Tổng Công ty Vận tải ngoại thương”, trực thuộc Bộ Ngoại thương. Đến năm 1984 được đổi tên là “Tổng Công ty Thuê tàu và Môi giới hàng hải” và được chuyển sang trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải. Đến năm 2006 được cổ phần hoá và niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội, mang tên mới từ đó đến nay là Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu. Tên viết tắt cũng là thương hiệu của Công ty tồn tại không thay đổi suốt từ ngày thành lập, từ năm 1963 - đến nay là **Vietfracht**.

Vietfracht là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế như: Tổ chức Hàng hải quốc tế và Ban-tích (BIMCO), Liên đoàn quốc tế những Hiệp hội giao nhận (FIATA), Liên đoàn những Hiệp hội quốc gia về đại lý và môi giới hàng hải (FONASBA), Hiệp hội Chủ tàu các nước thuộc Hội các nước Đông Nam Á (FASA), Diễn đàn Chủ tàu châu Á (ASF), và là một trong những thành viên sáng lập của nhiều tổ chức quốc gia như: Hiệp hội Chủ tàu Việt Nam (VSA), Hiệp hội Đại lý và môi giới hàng hải Việt Nam (VISABA), Hiệp hội Logistics Việt Nam (VLA) và Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Với hơn 50 năm hình thành và phát triển, **Vietfracht** được biết đến là một trong những công ty hàng hải hàng đầu của Việt Nam, Công ty luôn đổi mới, cải tiến chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và đạt hiệu quả cao trong SXKD. Với những thành tích đáng tự hào nêu trên, Công ty đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng và danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động hạng Nhất/ Nhì/ Ba, Huân chương Độc lập hạng Ba, Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1 Ngành nghề kinh doanh chính

+ Vận tải hàng hóa bằng đường biển (bao gồm vận tải container, hàng siêu trường siêu trọng, hàng rời, hàng bách hoá theo các tuyến hàng hải trong nước và quốc tế). Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới hàng hải và các dịch vụ môi giới khác;

+ Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải hàng hoá đa phương thức bằng đường không, đường biển, đường bộ... theo sự ủy thác của chủ tàu và chủ hàng và các dịch vụ liên quan;

+ Khai thác kho bãi container, kho ngoại quan, kho trung chuyển, phân phối, thu gom hàng hóa xuất nhập khẩu và hàng hoá nội địa;

+ Kinh doanh, cho thuê văn phòng làm việc;

+ Đầu tư thành lập các công ty liên doanh liên kết hoạt động trong cùng lĩnh vực (nêu trên) để mở rộng mạng lưới kinh doanh; Đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác.

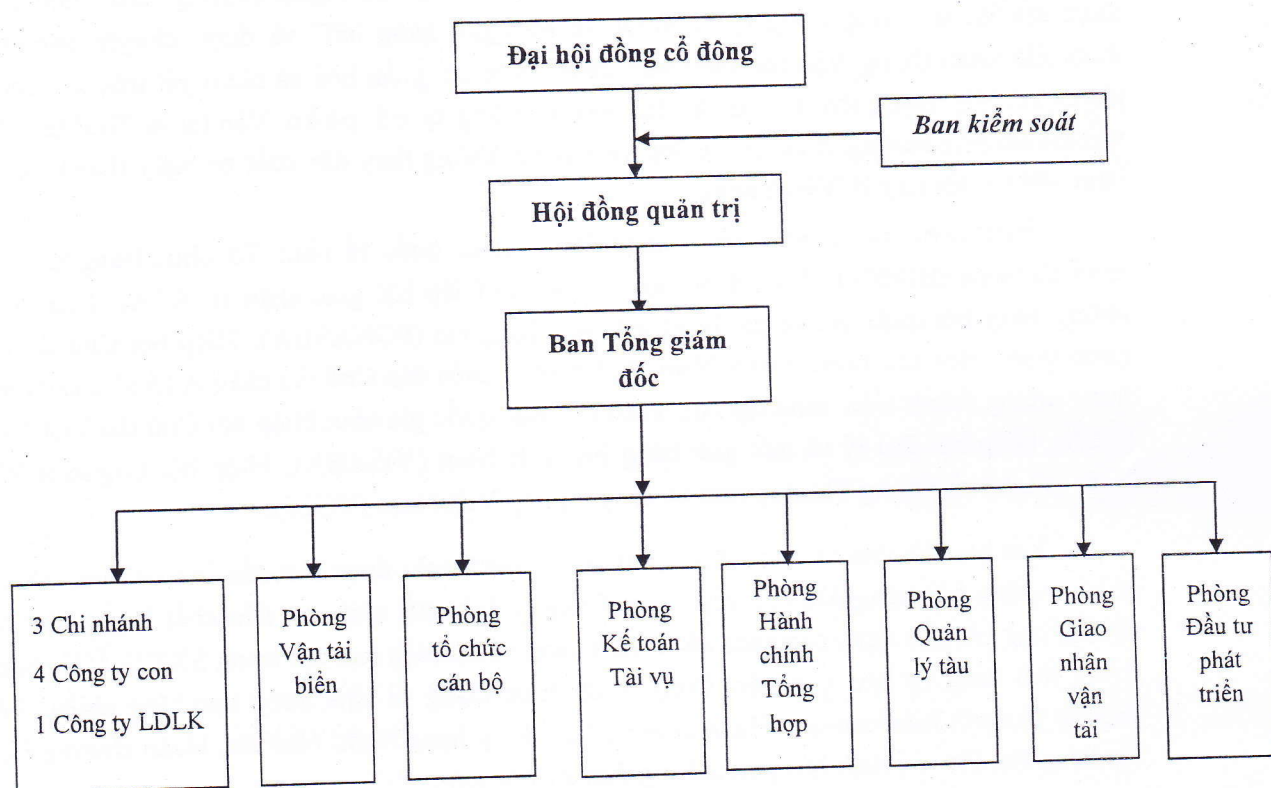
2.2 Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của Công ty trải rộng trên khắp mọi miền của đất nước, chủ yếu tập trung ở những thành phố lớn hoặc thành phố - cảng biển lớn như Hải Phòng, Quảng Ninh, Tp Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Tp Vũng Tàu.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị :

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY 2019



Ghi chú:

Các Chi Nhánh:

1. Chi nhánh tại Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh tại Hải Phòng
3. Chi nhánh tại Quảng Ninh

Các Công ty Con:

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên	Km24, Quốc lộ 5A, Vĩnh Khúc, Văn Giang, Hưng Yên
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hải Phòng	Số 35, đường Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hà Nội	74 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	Số 11, Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Công ty liên doanh liên kết:

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Heung – A Shipping Việt Nam	Số 14 Trương Quyền, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Công ty cổ phần Vận tải và thuê tàu được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ Công ty cổ phần vận tải và thuê tàu.

- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty hiện có 3 thành viên.

- Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty gồm có 3 thành viên, thực hiện quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Tổng Giám đốc.
- Các phòng ban: Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng Kế toán Tài vụ, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Vận tải biển, Phòng Quản lý tàu, Phòng Đầu tư phát triển, Phòng Giao nhận vận tải.
- Các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty: Công ty hiện có 3 chi nhánh.
- Công ty Con: Công ty có 04 Công ty con
- Công ty Liên doanh liên kết: 01 Công ty

4. Định hướng phát triển

+ Phấn đấu trở thành một trong số các doanh nghiệp hàng hải uy tín, tiêu biểu, có hiệu quả cao, chất lượng dịch vụ tốt của ngành hàng hải Việt Nam, có thương hiệu Vietfracht nổi bật;

+ Luôn chú trọng cải thiện điều kiện, môi trường làm việc để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;

+ Chú trọng mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường hợp tác liên kết để không chỉ nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn để duy trì, phát triển hình ảnh, thương hiệu Vietfracht trên thương trường.

+ Tích cực tham gia công tác xã hội, phấn đấu hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước và Xã hội.

5. Các rủi ro

Sự biến động của kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá và chính sách phát triển chung của nền kinh tế cũng như của ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngành hàng hải Việt Nam và thế giới tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức. Tình trạng khan hiếm đơn hàng, giá thuê tàu và giá cước thấp diễn ra đối với tất cả các phân khúc tàu hàng khô tiếp tục kéo dài và chưa thấy dấu hiệu tích cực trở lại. Thực trạng Công ty hiện vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu, nhân sự không ổn định, nhiều biến động, cơ sở vật chất xuống cấp ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, tình hình thực hiện so với kế hoạch và năm liền kề:

Kết quả kinh doanh 2019 đạt được như sau:

DVT: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu	Thực hiện 2019	So với TH 2018		So với kế hoạch 2019	
		TH 2018	%	KH 2019	%
Tổng Doanh thu	114.5	200.8	57%	101.3	113%
Tổng chi phí	122.4	253.3	48%	116.6	105%
Lợi nhuận trước thuế	-7.9	-52.5	565%	-15.3	149%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành 2019:

1	Ông Trần Bình Phú	Tổng giám đốc
2	Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30/05/2019)
4	Ông Đào Nguyên Đặng	Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành

Tổng giám đốc : Ông Trần Bình Phú

Sinh ngày 21/02/1960, cử nhân kinh tế, từ năm 1982 đến năm 2000 là chuyên viên tại các phòng nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ năm 2000 đến năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Marketing, từ tháng 4 năm 2011 Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht). Từ tháng 6 năm 2014 đến nay Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 CP

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 4.200 CP

Tổng số cổ phần nắm giữ: 4.200 CP

Phó Tổng giám đốc: Ông Lê Văn Thành

Sinh ngày 10/05/1963, kỹ sư Hàng Hải ngành điều khiển tàu biển, từ năm 1987 đến năm 2005 Ông giữ các chức vụ Thủy thủ, Thuyền phó, Thuyền trưởng các tàu biển Vietfracht, từ năm 2005 đến năm 2011 Ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ: Chuyên viên phòng Vận tải biển, Phó Trưởng phòng Vận tải biển, Phó trưởng phòng Quản lý tàu, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Vận tải biển và Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Vận tải biển, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 CP

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 500 CP

Tổng số cổ phần nắm giữ: 500 CP

Phó Tổng Giám Đốc: Ông Nguyễn Thành Luyện

Sinh ngày 01/07/1959, Thạc sỹ kinh tế Ngoại thương, từ năm 1980 đến năm 2004 Ông làm chuyên viên tại các phòng quản lý và nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ tháng 9 năm 2004 đến tháng 1 năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Trưởng phòng QLĐTXD, Phụ trách phòng QLĐTXD, Trưởng phòng ĐTPT, từ tháng 2 năm 2011 đến tháng 8 năm 2011 Ông đảm nhiệm chức vụ Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng ĐTPT, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 CP

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 CP

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 CP

Kế toán trưởng: Ông Đào Nguyên Đặng

Sinh ngày 05/2/1982, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, từ năm 2005 đến năm 2007 Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty cổ phần Xây dựng Hồng Hà dầu khí, từ năm 2007 đến năm 2016 Ông đảm nhiệm Chức vụ Kế toán trưởng XN, Phó Giám đốc Công ty Thành viên Công ty Đầu tư và phát triển Hà Nội, từ ngày 6 tháng 3 năm 2017 đến nay Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 CP

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 CP

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 CP

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên. Chính sách đối với người lao động

<u>Trình độ:</u>	<u>Số lượng:</u>
Trên đại học	02
Đại học	39
Khác	30
Tổng số	71

Chính sách lương thưởng

Việc phân phối tiền lương cho người lao động được thực hiện công khai và dân chủ theo Quy chế Trả lương của Công ty. Quy chế này được xây dựng để đảm bảo phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và vị trí công việc của từng người, khuyến khích được cán bộ công nhân viên làm việc tích cực, hăng say. Tiền lương hàng tháng luôn được trả đầy đủ, đúng thời gian. Hàng năm, Công ty có xét nâng bậc lương, hoặc chuyển ngạch lương cho người lao động hội đủ điều kiện theo qui định của Nhà nước và của Công ty. Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được Công ty thực hiện theo đúng quy định, các trang thiết bị bảo hộ, an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng đầy đủ.

Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể, việc xét thưởng căn cứ vào thành tích trong lao động, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, có thành tích chống tiêu cực, trong thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí.

Chính sách đào tạo

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên để thường xuyên nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của hoạt động SXKD. Về lĩnh vực đào tạo, Công ty chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo về khoa học quản lý và đào tạo tiếng Anh, hoặc tin học. Khi có chính sách mới thì đào tạo để phổ biến về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Hoạt động đào tạo bao gồm đào tạo trong nước và cả ở nước ngoài. Công ty cũng chú ý đào tạo nội bộ, với việc mở lớp tại Công ty do các cán bộ Công ty có kinh nghiệm hướng dẫn, giảng dạy.

Hàng năm, Công ty đều lên kế hoạch đào tạo nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động. Mọi người lao động đều được khuyến khích đăng ký tham gia các lớp đào tạo.

3. Tình hình tài chính

3.1 Tình hình tài chính

DVT : Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	336,997,663,818	333,434,552,637	-1.06%
Doanh thu thuần	186,565,494,318	92,771,815,681	-50.27%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-12,654,424,050	-16,965,835,615	-34.07%
Lợi nhuận khác	-39,910,284,223	9,043,094,352	122.66%
Lợi nhuận trước thuế	-52,564,708,273	-7,922,741,263	84.93%
Lợi nhuận sau thuế	-53,809,122,438	-8,899,612,855	83.46%

3.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán ☐ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn ☐ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	43%	55%	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn ☐ Hệ số Nợ/Tổng tài sản ☐ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	48%	45%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động ☐ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân ☐ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.704%	5.658%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời ☐ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ☐ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-10%	-29%	

4. Cơ cấu cổ đông VFR chốt ngày 05/04/2019

STT	Tổ chức	Cá nhân	Trong nước	Nước ngoài	Cổ đông từ 30.000CP trở lên	Tổng số cổ đông
1	9	538	542	5	12	547

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

5.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Công ty không có hoạt động sản xuất.

5.2 Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: sử dụng nguồn điện lưới quốc gia.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả : Không có.
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Không có.

5.3 Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nước sạch do Nhà máy nước sạch Hà Nội cung cấp.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

5.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

5.5 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng người lao động trong Công ty đến 31/12/2019 là: 71 người (trong đó thuyền viên 34 người, văn phòng 37 người. Thu nhập bình quân: thuyền viên: 15tr/người/ tháng; văn phòng: 8,7tr/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty đã đảm bảo thực hiện đúng, đủ và giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho CBNV của Công ty, cụ thể như sau:

Công ty đã đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ công nhân viên Công ty theo đúng quy định. Ngoài ra tham gia bảo hiểm con người cho toàn thể CBCNV.

Giải quyết kịp thời, đúng, đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động và các chế độ khác cho người lao động khi ốm đau, nghỉ dưỡng sức, thai sản, hưu trí, thôi việc.

Giải quyết thôi việc cho người lao động khi đơn phương chấm dứt HĐLĐ đúng chế độ và thủ tục quy định. Hướng dẫn thủ tục hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp sau khi người lao động chấm dứt HĐLĐ.

Khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Thực hiện chế độ đào tạo chuyên môn nâng cao nghiệp vụ cho người lao động.

Đào tạo kiến thức chuyên môn Dược hàng năm và cập nhật các văn bản chuyên môn mới cho CBNV là nhân viên bán hàng các nhà thuốc, cán bộ phụ trách đơn vị, nhân viên kho, cán bộ kỹ thuật ...

Tập huấn kiến thức phòng cháy chữa cháy hàng năm cho cán bộ nhân viên phòng Kho vận và các CBNV khác có liên quan.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với sự chỉ đạo sát sao của cơ quan quản lý, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cùng sự cố gắng nỗ lực, đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên để lo việc làm và thu nhập cho người lao động, tuy nhiên do sự cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường kinh doanh vận tải biển và dịch vụ Logistics nên ảnh hưởng kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2019.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 như sau: Doanh thu thuần là 92.771.815.681 VND đạt 102% kế hoạch năm, Lợi nhuận trước thuế là lỗ 7,922,741,263 VND đạt 149% kế hoạch năm.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản:

Công ty kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, tăng cường công tác quản lý, thu hồi công nợ để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tình hình tài sản có biến động theo chiều hướng gia tăng về giá trị và hiệu quả sử dụng tài sản.

Công ty đã thường xuyên, định kỳ đối chiếu công nợ, đơn đốc thu hồi công nợ phải thu, đánh giá các khoản nợ phải thu quá hạn để trích lập dự phòng phải thu theo quy định...

Tình hình nợ phải trả:

Công nợ phải trả của Công ty chủ yếu là công nợ phải trả ngắn hạn, Công ty thực hiện thanh toán cho các khách hàng theo đúng thời hạn quy định.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2019 Công ty đã kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn và hiệu quả, bố trí nhân sự Công ty và Chi nhánh phù hợp với điều kiện kinh doanh và quy mô Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục ưu tiên tập trung đầu tư phần đầu là doanh nghiệp hàng hải uy tín, tiêu biểu, hiệu quả và có thương hiệu Vietfracht nổi bật.

Để ổn định và phát triển hoạt động kinh doanh cần nâng cao chất lượng các nguồn lực Nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và công nghệ quản lý.

Cơ cấu tuyển dụng nhân lực, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho CBNV đặc biệt là đội ngũ kinh doanh.

Tăng cường hợp tác lâu dài và phát triển cùng các đối tác, nhà cung cấp hiện tại và thu hút các nhà cung ứng mới bằng đáp ứng chất lượng dịch vụ tốt nhất.

Tăng cường công tác quản lý theo quy định nhà nước, ngành và Công ty.

Tăng cường công tác kiểm soát thu hồi công nợ, kiểm soát chi phí, sử dụng vốn hiệu quả.

Rà soát, sửa đổi và bổ sung để hoàn thiện các quy trình, quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật và mô hình hoạt động của Công ty.

Phấn đấu giữ vững sự ổn định của Công ty, đoàn kết người lao động, tăng cường sự ủng hộ của các cơ quan ban ngành, từng bước cải thiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc; nâng cao phúc lợi, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBNV nhằm tạo sự gắn kết lâu dài giữa người lao động với Công ty góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Trong BCTC kiểm toán năm 2019, kiểm toán viên có ý kiến chấp thuận toàn phần với Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty đã sử dụng và tiêu thụ điện, nước một cách tiết kiệm và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.
- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Người lao động trong Công ty đa số được đào tạo đúng chuyên môn và có ý thức trong công việc, tuân thủ, chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của nhà nước, các nội quy quy định của Công ty... nên góp phần vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty cũng như góp phần vào việc xây dựng thương hiệu Vietfracht. Công ty tuân thủ các chính sách, chế độ cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước cũng như quan tâm đến các chính sách phúc lợi cho người lao động tạo sự gắn kết lâu dài giữa người lao động với Công ty.
- c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn hiểu rõ về trách nhiệm của Công ty với cộng đồng, tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2019 với nhiều khó khăn thách thức, Công ty đã luôn nỗ lực, cố gắng để đảm bảo các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu, lo việc làm và thu nhập cho người lao động. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực phấn đấu của các cán bộ quản lý cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty để vượt qua khó khăn đạt được kết quả trên.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc, điều hành Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với

Nhà nước, tuân thủ pháp luật cũng như đóng góp các hoạt động xã hội; quan tâm hoạt động của công đoàn Công ty, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định của Công ty trong bối cảnh kinh tế khó khăn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Thực hiện mục tiêu chung, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Công ty phấn đấu trở thành một trong số các doanh nghiệp hàng hải uy tín, tiêu biểu, có hiệu quả cao, chất lượng dịch vụ tốt của ngành hàng hải Việt Nam, tiếp tục ưu tiên tập trung phát triển thương hiệu Vietfracht nổi bật.

Để giữ vững sự ổn định và phát triển các hoạt động của Công ty, HĐQT tiếp tục giám sát cũng như chỉ đạo kịp thời, nhanh chóng việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc và đội ngũ quản lý của Công ty trong tất cả các lĩnh vực như: hoạt động kinh doanh, công tác tài chính, nhân sự, công tác đầu tư xây dựng, khai thác tài sản.

Duy trì và phát triển cùng các đối tác nhà cung cấp hiện tại bằng cách đáp ứng chất lượng dịch vụ ngày càng cao về chính sách, quy mô, nhân sự; Tìm kiếm các đối tác mới và phát triển dịch vụ logistics; Tái cơ cấu đội tàu, triển khai công tác nhân sự có hiệu quả phù hợp yêu cầu phát triển của Công ty.

Tăng cường công tác quản lý theo quy định nhà nước, ngành và Công ty, làm tốt công tác quản lý tài chính, chỉ tiêu nội bộ, bảo đảm tuân thủ các quy định, chuẩn mực pháp luật, giảm các chi phí.

Phấn đấu giữ vững sự ổn định của Công ty, đoàn kết của người lao động, tăng cường sự ủng hộ của các cơ quan ban ngành, từng bước cải thiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc; nâng cao phúc lợi, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBNV.

Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các vấn đề theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

Chỉ đạo sát sao và giải quyết nhanh mọi vướng mắc trong hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện đúng kế hoạch, mục tiêu đề ra.

4. Quản trị Công ty

Các thành viên Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch hội đồng quản trị - Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm
- Ủy viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Năng Tuyền
- Ủy viên Hội đồng quản trị - Ông Đào Nguyên Đặng

Các thành viên Ban kiểm soát:

- | | |
|--------------|--------------------------|
| - Trưởng ban | - Ông Nguyễn Thanh Tuyền |
| - Thành viên | - Bà Đặng Thị Hà Nguyên |
| - Thành viên | - Bà Bùi Thị Thu Hương |

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu, và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (báo cáo kèm theo).

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2020

Đại diện theo pháp luật của Công ty



Nguyễn Thị Quỳnh Lâm

Bảng Cân đối Kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.002.421.396	55.248.741.537
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	23.589.118.069	12.101.362.905
1. Tiền	111		23.589.118.069	12.101.362.905
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.870.651.153	28.560.813.597
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.500.886.790	9.865.532.534
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.171.993.100	3.106.485.573
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	7.464.151.234	6.911.251.142
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.106.466.725	10.043.539.320
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(1.372.846.696)	(1.365.994.972)
III. Hàng tồn kho	140	5.6	4.182.436.883	3.376.566.806
1. Hàng tồn kho	141		4.182.436.883	3.376.566.806
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.360.215.291	11.209.998.229
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	2.753.671.886	3.953.687.079
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.365.601.114	6.717.643.112
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	240.942.291	538.668.038
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		271.432.131.241	281.748.922.281
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		604.060.520	717.083.957
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	604.060.520	717.083.957
II. Tài sản cố định	220		108.083.097.054	147.255.878.535
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	100.701.999.125	139.815.647.272
- Nguyên giá	222		369.653.343.955	398.925.466.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(268.951.344.830)	(259.109.818.965)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	7.381.097.929	7.440.231.263
- Nguyên giá	228		7.511.097.914	7.561.097.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(129.999.985)	(120.866.651)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	133.690.000.000	116.212.774.482
1. Đầu tư vào công ty con	251		82.300.000.000	64.300.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.440.000.000	3.372.569.200
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		49.950.000.000	49.950.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.409.794.718)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		29.054.973.667	17.563.185.307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	29.009.389.232	16.540.729.280
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		45.584.435	1.022.456.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		333.434.552.637	336.997.663.818

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		158.618.112.849	153.281.611.175
I. Nợ ngắn hạn	310		142.890.736.231	100.589.850.439
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	7.928.590.211	11.805.551.639
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		492.300.349	36.282.803
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	5.805.851.676	6.162.306.336
4. Phải trả người lao động	314		2.346.501.967	3.220.513.918
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	20.115.774.715	5.560.193.214
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		368.368.738	2.555.530.494
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	5.359.007.734	6.588.215.239
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	99.608.777.050	63.613.356.405
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		865.563.791	1.047.900.391
II. Nợ dài hạn	330		15.727.376.618	52.691.760.736
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	5.891.228.115	6.718.815.451
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	9.836.148.503	45.972.945.285
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.816.439.788	183.716.052.643
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	174.816.439.788	183.716.052.643
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.013.831.925	33.013.831.925
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.410.429.248	3.410.429.248
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.607.821.385)	(2.708.208.530)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.708.208.530)	51.100.913.908
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.899.612.855)	(53.809.122.438)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		333.434.552.637	336.997.663.818

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		92.771.815.681	186.565.494.318
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	92.771.815.681	186.565.494.318
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	102.209.471.189	191.052.488.364
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(9.437.655.508)	(4.486.994.046)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.315.820.455	12.366.051.115
7. Chi phí tài chính	22	6.4	8.413.547.870	10.224.637.143
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.781.515.818	5.088.364.087
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	9.430.452.692	10.308.843.976
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16.965.835.615)	(12.654.424.050)
11. Thu nhập khác	31	6.6	11.452.592.367	1.959.360.297
12. Chi phí khác	32	6.7	2.409.498.015	41.869.644.320
13. Lợi nhuận khác	40		9.043.094.352	(39.910.284.113)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	6.8	(7.922.741.263)	(52.564.708.273)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	976.871.592	1.244.414.165
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.899.612.855)	(53.809.122.438)

Lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		(7.922.741.263)	(52.564.708.273)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		29.578.362.101	45.842.077.624
Các khoản dự phòng	03		(1.402.942.994)	1.066.633.513
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(79.546.201)	(583.335.412)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.348.505.594)	22.866.625.071
Chi phí lãi vay	06		9.781.515.818	5.088.364.087
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		10.606.141.867	21.715.656.610
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		4.446.101.902	16.246.514.014
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(805.870.077)	(239.258.393)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.174.328.177)	(18.936.921.602)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(11.268.644.759)	(7.091.842.977)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.746.944.557)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(182.336.600)	(874.622.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.378.935.844)	9.072.580.595
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm; xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(490.364.268)
2. Tiền thu do thanh lý; nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		881.103.561	29.760.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay; bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	35.500.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(36.700.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.932.569.200	4.980.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay; cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.061.821.414	9.388.888.273
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.875.494.175	42.438.524.005
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(31.606.063.199)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(49.606.063.199)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		11.496.558.331	1.905.041.401
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	12.101.362.905	10.178.300.710
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.803.167)	18.020.794
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	23.589.118.069	12.101.362.905

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Tổng giám đốc
(đã ký)

Lương Thị Hà

Đào Nguyên Đặng

Trần Bình Phú